

BẢNG GHI ĐIỂM THI
THPT Ưông Bí

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
1	TDO	NGUYỄN HÒA AN	Nam	11/10/2001	3.20	1.25				3	4		2.20	N1	
2	TDO	ĐOÀN NGỌC HOÀNG ANH	Nam	03/08/2001	3	2.50				5.25	6.25		2.80	N1	
3	TDO	NGÔ HOÀNG ANH	Nam	23/08/1999	3.60	6				2.50					
4	TDO	TRẦN VĂN BẢO	Nam	05/09/1996	2.60	2.50				4.25					
5	TDO	TRIỆU VĂN BẮC	Nam	22/09/2000	3.20	6.25				6					
6	TDO	ĐỒNG ANH BẰNG	Nam	27/07/2001	2.20	4.75				3.25			2.40	N1	
7	TDO	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	28/07/2001	7.80	8							7.80	N1	
8	TDO	BÙI ĐÌNH CHIẾN	Nam	29/02/2000	5	8				9.25					
9	TDO	BÙI NGỌC CHUÂN	Nam	02/04/2001		8.50				8.75	9.25				
10	TDO	NGUYỄN THÀNH CHUNG	Nam	01/02/2001										N1	
11	TDO	TRẦN VĂN CÔNG	Nam	18/02/2001	1.60	2				3.50			1.60	N1	
12	TDO	LIU TRUNG CUỜNG	Nam	07/07/2001	2.40	5.75				3.25	5.50	7.75	3.60	N1	
13	TDO	NGUYỄN MẠNH CUỜNG	Nam	13/08/2001	5.40	6				4.50	7	5.50	2.60	N1	
14	TDO	HOÀNG MẬU DẦN	Nam	19/01/1998	3	4.75				5.75					
15	TDO	ĐÀO THỊ DUNG	Nữ	15/08/2001	7.20						8		3	N1	
16	TDO	DƯƠNG TIỀN DŨNG	Nam	13/05/1993	2.20	2				3.75					
17	TDO	LÊ NGỌC DŨNG	Nam	20/09/2000	2.40	5.25				6					
18	TDO	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	30/08/2000	3.80	4				4.25			2.40	N1	
19	TDO	VƯƠNG TRỌNG DUY	Nam	13/10/2000	2.80	5.75				4.25					
20	TDO	BÙI MINH DUYÊN	Nữ	04/12/2001	2.60	4.75				4		6.75	2.20	N1	
21	TDO	NGUYỄN SƠN DƯƠNG	Nam	21/10/2001	2.60	3.50				2.75			2.60	N1	
22	TDO	PHẠM BẠCH DƯƠNG	Nữ	15/09/2001	7.60	6							4.60	N1	
23	TDO	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	Nam	22/09/2001	3.40	3.50				3.75			3.60	N1	
24	TDO	VŨ VĂN ĐẠI	Nam	17/09/2001	2.20	3.75				3.25	6.25		2.20	N1	
25	TDO	ĐỖ VĂN ĐANG	Nam	10/11/2001										N1	
26	TDO	TRẦN THỊ ANH ĐÀO	Nữ	24/11/2001	9			8.50	8.25						
27	TDO	PHÙNG VĂN ĐẠT	Nam	23/05/2000	2.20	2.25				5	3.75	4.25	2.60	N1	
28	TDO	TRẦN TIỀN ĐẠT	Nam	15/09/1999		7.50				5.25	7.75				
29	TDO	HOÀNG HỮU ĐĂNG	Nam	12/04/2000	2.60	5				3.75					
30	TDO	PHẠM HẢI ĐĂNG	Nam	22/07/1999	5.80	6				5					
31	TDO	ĐINH VĂN ĐIỆP	Nam	10/03/2001	2.60	4.50				2.75	5.25	6.75	4.20	N1	
32	TDO	TRẦN VĂN ĐỈNH	Nam	26/12/1999	3.20	6.50				4.50					
33	TDO	TRƯƠNG MINH ĐOÀN	Nam	16/07/2001	1.80	3.50				4.50	2.75	6	2.60	N1	
34	TDO	ĐẶNG THÀNH ĐÔ	Nam	26/05/1999	2	6.50				5.25					
35	TDO	ĐẶNG VĂN ĐÔNG	Nam	10/12/2001	2.20	3.50				4	4	5.25	3.20	N1	
36	TDO	ĐỖ VĂN ĐÔNG	Nam	10/12/2000	2.20	4				1.75	4.75		3.60	N1	
37	TDO	CHU VIỆT ĐỨC	Nam	25/01/2000	2.80	3.50				3.50					
38	TDO	ĐỖ HUY ĐỨC	Nam	26/04/2001	3.40	6				4.25	7	8.25	3	N1	
39	TDO	LÊ THẾ ĐỨC	Nam	01/11/2001	2.80	6.75				4.75			3	N1	
40	TDO	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	16/04/2001	3.20	4				2.75	2.50	5.50	3.40	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
41	TDO	VŨ NHO ĐƯỢC	Nam	06/03/2000	2.20	2.75				2.25	5				
42	TDO	BÙI CÔNG ĐƯỜNG	Nam	15/11/2001	1.80	4.25				2.25	4.50				
43	TDO	PHẠM TRƯỜNG GIANG	Nam	22/04/2001	3.20	3.25				2.25	4	3.75	2.60	N1	
44	TDO	LÝ THỊ HÀ	Nữ	08/10/2001	2.80	2.75				3	5.75	5.50	2.60	N1	
45	TDO	PHẠM THỊ HÀ	Nữ	04/09/2001	3.20	6				4.50	5.75	7	2	N1	
46	TDO	VŨ THỊ HÀ	Nữ	19/04/2001	3.20	4				2.50			2	N1	
47	TDO	ĐẶNG HUY HẠ	Nam	14/09/2001	2.20	4				2.50			1.60	N1	
48	TDO	NGUYỄN KHẮC HẢI	Nam	03/07/2001	2.80	1.75				4.75			1.60	N1	
49	TDO	ĐỖ THỊ HẬU	Nữ	06/05/2000	3.20	5.75				3.50	5.25		3	N1	
50	TDO	LÊ THỊ THU HIỀN	Nữ	05/04/2001	5.20	6.75				4.50	4	5.75	2.80	N1	
51	TDO	NGUYỄN DUY HIỀN	Nam	12/03/1999	2.60	3.75				4.50					
52	TDO	HOÀNG VĂN HIẾU	Nam	03/07/2001	3.40	3.50				4.50	4	7	2.20	N1	
53	TDO	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	08/01/2001	3.80	4.25				4.50	8.25	7.25	3	N1	
54	TDO	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	06/11/1998	9.20	7.75				9.50					
55	TDO	TRIỆU VĂN HIẾU	Nam	04/09/1998	2.20	5				3.50					
56	TDO	ĐINH THỊ MAI HOA	Nữ	14/11/2000	2.80	4.75				4	4.50		2.20	N1	
57	TDO	HỒ VIỆT HOÀNG	Nam	04/08/2001	2.60	0.75				2.75		6.75	2.60	N1	
58	TDO	LÊ VĂN HOÀNG	Nam	09/09/2000	1.80	3.50				4.75					
59	TDO	PHẠM VĂN HOÀNG	Nam	04/05/2001	2.40	3.50				2.25	4.50	6	1.80	N1	
60	TDO	TRẦN XUÂN HỒNG	Nam	15/08/2000	2.20	3.50				4.50					
61	TDO	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	23/07/2001	3.60	4.50				2.75			2.40	N1	
62	TDO	PHẠM THẾ HÙNG	Nam	08/09/2001	2.20	4				3.75	6.50	6.75	1.80	N1	
63	TDO	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	21/11/2001	6.80	7.25							8.80	N1	
64	TDO	TRẦN ĐỨC HUY	Nam	30/11/2001	1.80	3				2.50	4.50				
65	TDO	ĐẶNG VĂN HÙNG	Nam	21/03/2001	3.40	2.75				5	5.50		2.40	N1	
66	TDO	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	06/05/2001	1.80	5				4	5	4.75	2.20	N1	
67	TDO	ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	25/10/2001	9.40			8.75	9						
68	TDO	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	21/06/1996	3.20	3.25				4.75					
69	TDO	ĐỖ VĂN KHIÊM	Nam	05/09/2000	2.80	5.50				2.75					
70	TDO	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	06/09/2001	3	3.25				3.75	3.75	6	2.20	N1	
71	TDO	BÙI THANH KIỀU	Nữ	11/03/2001	9	7.50							4.20	N1	
72	TDO	NGUYỄN KHẮC LAM	Nam	07/07/1996	2.40	2				4	2.25	4.50	3.20	N1	
73	TDO	PHẠM VĂN LÂM	Nam	17/06/2000	2.80	0				1.75					
74	TDO	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Nữ	23/07/2001	8	8.50				9.25					
75	TDO	NGUYỄN HIỀN LINH	Nữ	22/01/2002	7.80	8.50							7.60	N1	
76	TDO	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	14/03/2001	5.20	3				3.50	5.75				
77	TDO	ĐÀO NGỌC LONG	Nam	03/09/2001	3	3.75				4			1.60	N1	
78	TDO	HÀ QUANG LONG	Nam	19/01/2001	3.60	3.50				3	6	5.25	2	N1	
79	TDO	HOÀNG ĐỨC LONG	Nam	30/04/2000	5.20		3.25						2.80	N1	
80	TDO	NGUYỄN ANH LONG	Nam	16/01/2001											
81	TDO	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	14/08/2000	3.20	3.50				4.50					
82	TDO	TẠ ĐÌNH LONG	Nam	24/01/2000	8		5.50	4					2.80	N1	
83	TDO	TRẦN VĂN LONG	Nam	06/12/2000	3	0.75				3.75	3.75	4.75	2.40	N1	
84	TDO	HÀ ĐỨC LƯƠNG	Nam	02/11/1998	3.20	5				5.50					
85	TDO	TRẦN HƯƠNG LY	Nữ	16/05/2000	2.80	4.50				3.75	5	6.25	3.60	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
86	TDO	ĐỖ THỊ THANH MAI	Nữ	11/02/2001	1.80	5.50				5	6.50		2.20	N1	
87	TDO	NGUYỄN XUÂN MẠNH	Nam	26/12/2001	2.20	4.50				3.25	3.75				
88	TDO	CAO QUANG MINH	Nam	03/03/2001	3.20	3.50				3	4.75	5.75	2.60	N1	
89	TDO	TRẦN BÌNH MINH	Nam	14/05/2001	2	6				4.25	5.25	6	1.60	N1	
90	TDO	TRẦN ĐỨC MINH	Nam	08/01/1997		4.75				4.75	5.75				
91	TDO	TẠ THỊ THÚY MƠ	Nữ	24/09/2000	8			7.25	7.50						
92	TDO	ĐỖ HỒNG NAM	Nam	06/04/2001	3.20	3.25				2.50			3	N1	
93	TDO	LÊ VĂN NAM	Nam	22/02/1998	7.20	6.25				7.75					
94	TDO	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	18/09/2001	2.20	2				2.75	4.75		2.60	N1	
95	TDO	PHẠM VĂN NAM	Nam	25/06/1999	2.40	3.25				4.50					
96	TDO	LƯƠNG QUỲNH NGÀ	Nữ	17/03/2001	7	8							7.80	N1	
97	TDO	ĐINH ĐỨC NGHĨA	Nam	26/05/2001		7.25				4.75	8	8			
98	TDO	TRƯƠNG TIẾN NINH	Nữ	06/10/2001	2	4.75				3.50	4	4.25	3.20	N1	
99	TDO	ĐỖ HỮU PHONG	Nam	06/04/2001	3.80	5.25				3	5.50		2.80	N1	
100	TDO	LÊ KIM PHƯỢNG	Nữ	11/08/2001	3.20	5.50				4.25	6.50		3.20	N1	
101	TDO	ĐINH VĂN QUANG	Nam	26/11/2001	3.80	4				3.25	4.50	4.25	3	N1	
102	TDO	HOÀNG KHẮC QUANG	Nam	07/07/1999	6.40	7.25				4.50					
103	TDO	VŨ HỒNG QUÂN	Nam	18/11/2001	3.60	2.50				3.25	3.75	7.25	2	N1	
104	TDO	LƯƠNG VĂN QUYỀN	Nam	04/06/1998	4.20	4.25				5.25					
105	TDO	BÙI VĂN SANG	Nam	16/10/2001	2.40	2.75				3.50	3.25	4.75	2.20	N1	
106	TDO	HOÀNG VĂN SƠN	Nam	01/08/2001	3.20	4				3.75	5.75	6.25	3.20	N1	
107	TDO	NÌNH A SỦI	Nam	13/03/1997	4.40	7				4.25					
108	TDO	ĐẶNG MẠNH TÂN	Nam	06/05/2001	3.60	5				3.25			2.60	N1	
109	TDO	NGUYỄN NHẬT TÂN	Nam	24/09/2001	3.40	3.50				1.50	1.50	5.50	3	N1	
110	TDO	PHẠM HỒNG THÁI	Nam	05/05/2001	1.20	3.75				4.50	5.25	6.50	2	N1	
111	TDO	PHẠM HUY THÁI	Nam	17/09/2001	2.20	3.25				2.75	4	5	2.40	N1	
112	TDO	HOÀNG VĂN THANH	Nam	03/04/2001	2.20	2.75				2.50	2.25				
113	TDO	ĐOÀN HUY THÀNH	Nam	24/10/2000	2	3.25					3		2	N1	
114	TDO	TRẦN NGỌC THÀNH	Nam	29/03/1999	7.80	8				9.25					
115	TDO	PHẠM THỊ THU THẢO	Nữ	29/04/2001		3.50				2.75	4.75		2.80	N1	
116	TDO	DƯƠNG MINH THẮNG	Nam	23/03/1995		0				0					
117	TDO	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	04/09/2000	3.20	3.50				3.75	5				
118	TDO	ĐOÀN ĐỨC THỊNH	Nam	18/02/1997	2.20	3.25	2	1.25	2.75				2.80	N1	
119	TDO	NGUYỄN THỊ KIM THU	Nữ	25/08/2001	5.60	7.25							7	N1	
120	TDO	HOÀNG TRUNG THỤ	Nam	29/11/1997	2.60	3.50				2.50					
121	TDO	VI ĐỨC THUẬN	Nam	13/07/1999	2.60	4				6.25					
122	TDO	NGUYỄN DIỆU THÚY	Nữ	22/02/2000	8.80			7.25	7						
123	TDO	PHẠM ĐỨC THUỞNG	Nam	25/11/2001	2	3.50				7.75	3.25	7	3	N1	
124	TDO	TRẦN THU THỦY TIÊN	Nữ	07/06/2000	6.40	4.50					6.50		5.80	N4	
125	TDO	NGUYỄN THẾ TIỆP	Nam	20/04/2001	2.40	2.50				5.25	3	8	2	N1	
126	TDO	LÊ XUÂN TỈNH	Nam	03/05/2001	3.80	4.50				4.75	7				
127	TDO	TÔ MẠNH TOÀN	Nam	28/11/2001	1.80	3.25				4	6.75				
128	TDO	LÝ NGỌC TRUNG	Nam	25/09/1995	4.80	7.25				8.75					
129	TDO	BÙI TRỌNG TRƯỜNG	Nam	04/01/1999	5.60	6.25				6					
130	TDO	ĐOÀN MINH TÚ	Nam	16/10/2001	2.80	3.75				3.50	3.50	6.25	1.80	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
131	TDO	LÊ THANH TÚ	Nam	24/07/2001	2.20	3.25				3.75			2	N1	
132	TDO	ĐÌNH VĂN TUẤN	Nam	26/06/2001	2	6.25				5	4.25	5.50	2.60	N1	
133	TDO	ĐỖ ANH TUẤN	Nam	20/07/1997	2.60	4.50				3.50	4.75	6.25	3	N1	
134	TDO	ĐỖ VĂN TUẤN	Nam	03/03/2001	1.80	5				4	4.50				
135	TDO	BÙI TUẤN TÙNG	Nam	24/06/2001	2.80	4				2.25	4	6.50	3.20	N1	
136	TDO	NGUYỄN VĂN TÙNG	Nam	15/06/1999	8.20	7.50				9					
137	TDO	NINH VĂN TÙNG	Nam	04/01/2000	1.60	7.25				4.75					
138	TDO	NGUYỄN QUỲNH VÂN	Nữ	01/07/2001	9			6.50	8						
139	TDO	NGUYỄN THÀNH VINH	Nam	29/11/1999	2.80	6				3.25					
140	TDO	PHẠM NGỌC VƯỢNG	Nam	13/03/2000	2.60	4				2.25	3.50		2.20	N1	
141	12A1	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	04/02/2002	7.40	6.75	5.25	3.75	6				8.80	N1	
142	12A1	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	17/11/2002	8.80	9				4	6.50	7.75	7.20	N1	
143	12A1	VŨ THỊ QUYỀN ANH	Nữ	02/01/2002	7	7.50				6.75	5.75	7.75	3.20	N1	
144	12A1	HÀ THÙY DUNG	Nữ	25/01/2002	7.20	8.25				4.25	7	8.75	4.40	N1	
145	12A1	LÊ THÙY DUNG	Nữ	22/05/2002	8.20	8	4.25	3.75	4.50				6.40	N1	
146	12A1	TRẦN NGỌC HẢI	Nam	16/07/2002	9	6.75	8.75	6	4.25				8.60	N1	
147	12A1	TRỊNH HỒNG HẠNH	Nữ	05/10/2002	8.80	8	8.75	8.50	5.50				4.80	N1	
148	12A1	BÙI THỊ HÀO	Nữ	05/09/2002	8.80	8	8.25	8.50	6.75				5	N1	
149	12A1	HÀU THỊ HẬU	Nữ	06/01/2002	6.80	7.50				5	7.25	7.75	5.80	N1	
150	12A1	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	21/12/2002	7.20	6.25	2.50	7.50	6.50				3	N1	
151	12A1	HOÀNG THANH HUYỀN	Nữ	08/11/2002	7.20	7.25				6	7	8	8.60	N1	
152	12A1	HOÀNG VIỆT HÙNG	Nam	21/10/2002	8.60	7	8.75	8.50	6				5	N1	
153	12A1	ĐÌNH THỊ THU HƯƠNG	Nữ	25/04/2002	5.40	7.50				5.50	6.75	6.50	4.20	N1	
154	12A1	MÀU MINH KHẢI	Nam	05/11/2002	8.80	8.50				6.25	7	8.75	8.60	N1	
155	12A1	NGUYỄN XUÂN KHUÊ	Nữ	09/03/2002	5.40	6.50				3.75	6.75	8.25	3.20	N1	
156	12A1	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	05/08/2002	8.40	7.75				5.75	7.25	9	5.20	N1	
157	12A1	CAO VŨ LÂM	Nam	18/11/2002	4.60	5.50	2.50	2.50	5.25				5.20	N1	
158	12A1	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	23/08/2002	6.80	5.50				5	7.50	7	3.80	N1	
159	12A1	VŨ THÙY LINH	Nữ	21/08/2002	9.40	7.75	8.25	8.25	6				4.60	N1	
160	12A1	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	22/01/2002	9.20	6.50	8	8.25	4.25				4.80	N1	
161	12A1	VŨ THỊ TUYẾT MAI	Nữ	03/08/2002	6.60	6.75				3	7.25	8.50	5	N1	
162	12A1	LẠI HỒNG NGỌC	Nữ	17/06/2002	8.20	6.75	6.25	7.50	7				5.40	N1	
163	12A1	NGUYỄN TUẤN NGỌC	Nam	01/04/2002	9.20	7	8.75	9.25	8				7.40	N1	
164	12A1	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	01/01/2002	8	7	5.75	7.75	6.50				4.60	N1	
165	12A1	LÊ NGỌC NINH	Nam	26/10/2002	7	6.50	6.75	6.50	5.25				5.40	N1	
166	12A1	PHÙNG AN NINH	Nam	05/12/2002	6	6.25	6.75	4.75	4.75				6.60	N1	
167	12A1	HOÀNG MINH PHƯƠNG	Nữ	22/09/2002	6	7.25				2.75	7	8.25	5.20	N1	
168	12A1	NGUYỄN MINH SƠN	Nam	09/08/2002	8.60	7.50	8	4	6				6	N1	
169	12A1	LÊ MINH THÁI	Nữ	12/02/2002	5.60	7.25				5	7.75	8.50	5.40	N1	
170	12A1	ĐOÀN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	03/08/2002	8.40	8				5	6.75	8.75	5.60	N1	
171	12A1	LÊ THỊ MINH TRANG	Nữ	08/04/2002	7.60	7.25	7.75	6.25	5.25				3	N1	
172	12A1	NGUYỄN TRIỆU THU TRANG	Nữ	02/03/2002	8	7.50				3.50	6.75	7.50	5.80	N1	
173	12A1	QUẢN NGỌC TRUNG	Nam	09/10/2002	8	6	8.25	6.50	6.25				2.20	N1	
174	12A1	ĐÌNH QUANG TÚ	Nam	06/07/2002	5.80	7.25				6.75	8.50	8.25	7	N1	
175	12A1	QUÁN VĂN TUẤN	Nam	30/01/2002	8.60	4.50	8.25	4.50	6.75				9.20	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
176	12A1	TRẦN THANH TÙNG	Nam	09/11/2002	8.60	7	8.25	6.75	5.25				4.20	N1	
177	12A1	ĐOÀN THỊ UYÊN	Nữ	08/04/2002	8.40	8.25	6	8.75	7.75				6.20	N1	
178	12A1	TRẦN VI UYÊN	Nữ	06/03/2002	8.80	8				5	7.75	9.25	5	N1	
179	12A1	NGÔ THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	21/09/2002	5.80	8				5.50	6	8	7.60	N1	
180	12A10	NGUYỄN TÂM ANH	Nữ	06/04/2002	9.20	8.50				5	7.25	9	6	N1	
181	12A10	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	15/10/2002	8.40	6.50	8.50	7.50	5.75				6.20	N1	
182	12A10	TRẦN THỊ TRÂM ANH	Nữ	18/10/2002	8.80	8	7.75	8.25	6.25				6.60	N1	
183	12A10	ĐẶNG NGỌC BÁCH	Nam	07/07/2002	8.40	6.25	8	8	6				7.20	N1	
184	12A10	LÊ TIỀN DŨNG	Nam	17/04/2002	6	6				4.75	6.75	8.50	3.80	N1	
185	12A10	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	Nam	18/07/2002	6	6	6	4.50	6				2.40	N1	
186	12A10	LÊ ANH ĐỨC	Nam	18/10/2002	8.40	7.25	8.25	3.75	5				7.40	N1	
187	12A10	NGUYỄN HUY ĐỨC	Nam	25/11/2002	6.60	6.50	6.25	5	4.25				4	N1	
188	12A10	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	03/08/2002	8	7.25	4.25	7.50	4.50				6.80	N1	
189	12A10	VŨ NGUYỆT HÀ	Nữ	07/08/2002	8.40	9.25				7	8.50	9.25	8	N1	
190	12A10	PHẠM THỊ THU HIỀN	Nữ	26/10/2002	8.20	8				5	5.75	9	7	N1	
191	12A10	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	Nữ	28/08/2002	8.60	8.50				4.50	6	6	7.80	N1	
192	12A10	VŨ NGỌC HUY	Nam	05/06/2002	8.20	5.75	8	8.25	5.25				5	N1	
193	12A10	PHẠM NGỌC KHÁNH	Nam	26/08/2002	6.20	6	5.75	4.25	4.25				2	N1	
194	12A10	TRẦN NGỌC KHÁNH	Nam	26/08/2002	9	6.25	6.75	5.75	6.25				6.80	N1	
195	12A10	LÊ MAI LINH	Nữ	16/08/2002	8.60	8				7.75	7.50	9.75	9.20	N1	
196	12A10	LÊ NGỌC LINH	Nữ	16/08/2002	8.60	7.50	7	8	8				9.60	N1	
197	12A10	PHẠM THỊ MỸ LINH	Nữ	31/01/2002	9.40	8.50	8.25	7.50	6.75				6	N1	
198	12A10	NGÔ BÌNH MINH	Nam	16/09/2002	9.20	5.50	8.25	7.75	4.50				6.40	N1	
199	12A10	VŨ VĂN MINH	Nam	22/02/2002	8.60	6.50	8.25	8.25	7.75				4.20	N1	
200	12A10	HOÀNG MINH NAM	Nam	27/07/2002	7	6.75				7.25	8	8.50	6.60	N1	
201	12A10	PHẠM HỮU NAM	Nam	05/03/2002	8.80	7	8	8.25	4.75				3.60	N1	
202	12A10	VŨ HỒNG KHÁNH NGÂN	Nữ	16/09/2002	5.20	7.75				9	8.25	8.75	5	N1	
203	12A10	NGUYỄN BẠCH NHẬT	Nam	14/03/2002	8	6.25	7.75	3.75	3.75				5.60	N1	
204	12A10	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	Nam	01/08/2002	8.60	6	8.25	6.25	5				6.80	N1	
205	12A10	HÀ THU PHƯƠNG	Nữ	28/09/2002	9.20	7.25	9	8.50	6				6.40	N1	
206	12A10	LƯƠNG HOA PHƯƠNG	Nữ	11/09/2002	8.80	8.50				7.25	6	8	8	N1	
207	12A10	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	23/07/2002	4.20	6.75	4.50	6	6.50				5.60	N1	
208	12A10	NGUYỄN ĐỨC QUANG	Nam	09/11/2002	8.80	6.25	8	4	6.25				5.20	N1	
209	12A10	ĐẶNG THÁI SƠN	Nam	16/07/2002	5.40	6.75				7.25	7.50	8.25	5.80	N1	
210	12A10	NGUYỄN HUY TÂM	Nam	08/12/2002	8.60	6.50	7	4.75	4.50				5.80	N1	
211	12A10	VŨ THỊ THANH TÂM	Nữ	19/12/2002	8.80	6.50	8.75	8.50	5.75				5.60	N1	
212	12A10	LẠI NHẬT TÂN	Nam	20/01/2002	8.80	4.50	8.25	5	6				8.60	N1	
213	12A10	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	Nữ	09/04/2002	9.20	7.75				6.25	8.25	9.25	8.60	N1	
214	12A10	VŨ MINH THUẬN	Nam	19/06/2002	8	6.50	5	8	7.75				4	N1	
215	12A10	DƯƠNG THU TRANG	Nữ	19/02/2002	9	8				3.75	7.50	8.75	6.40	N1	
216	12A10	ĐỖ BẢO TRUNG	Nam	19/02/2002	7.60	6.25	6.50	5.50	2				2.60	N1	
217	12A10	LÊ THANH TÙNG	Nam	25/07/2002	8.40	6.75	7.50	7.75	6				3.40	N1	
218	12A10	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	24/09/2002	8	7.25	6.50	3.75	5.75				5.20	N1	
219	12A10	ĐỖ THÙY XA	Nữ	09/07/2002	8.80	6.75	8.75	5.75	6				8.20	N1	
220	12A2	HOÀNG THỊ LỆ CHI	Nữ	26/08/2002	7.80	6.50				8	7.50	8.75	3.80	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
221	12A2	MAI LINH CHI	Nữ	02/03/2002	6	8.50				10	9	9.25	5	N1	
222	12A2	LÊ HỒNG CƯ	Nữ	21/05/2002	8.80	8.50	7.50	8.50	4.25				5.20	N1	
223	12A2	PHẠM QUỐC CƯỜNG	Nam	24/07/2002	5.80	7.25				5.25	7	7	3	N1	
224	12A2	LÊ TIẾN DŨNG	Nam	08/10/2002	8.40	6.50	8.25	2.75	3.75				6.20	N1	
225	12A2	HOÀNG LÊ DUY	Nam	25/09/2002	7.60	7.50	7.50	6.50	4				3.20	N1	
226	12A2	LÊ QUÝ ĐẠI	Nam	13/01/2002	8.20	8	8.25	8	6.25				6.20	N1	
227	12A2	CHU QUANG ĐẠT	Nam	11/04/2002	9	6.50	8.50	7.75	4.50				6.40	N1	
228	12A2	ĐINH CÔNG HỮU ĐẠT	Nam	01/07/2002	3.40	6.75				4.50	8	8.75	4.60	N1	
229	12A2	ĐINH NGUYỄN NGỌC ĐẠT	Nam	31/05/2002	8.80	7.50	7.75	6.25	5.25				7.60	N1	
230	12A2	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	26/05/2002	8.80	6.25	8	8.25	6.50				4.40	N1	
231	12A2	NGUYỄN HỒNG HÀ	Nữ	01/06/2002	5.20	7.25				6.25	7	9	4.80	N1	
232	12A2	PHẠM NHẬT HẢI	Nam	25/06/2002	9.20	7.50	8	4.50	5.25				7.80	N1	
233	12A2	LÊ THU HIỀN	Nữ	10/05/2002	7.40	8.25				3.75	6.75	8.25	4.40	N1	
234	12A2	LÊ ĐỨC HIẾU	Nam	26/11/2002	8	7.50	6	8	7.50				7.60	N1	
235	12A2	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	17/01/2002	7	8.50				4.75	7.25	8.25	3.20	N1	
236	12A2	DƯƠNG TUẤN LAN	Nữ	12/03/2002	7	6				7.25	5.25	7	5.40	N1	
237	12A2	ĐẶNG THỊ LAN	Nữ	06/06/2002	8.60	7.75	7.75	6.75	5.75				6.20	N1	
238	12A2	HOÀNG TUỆ MINH	Nữ	09/07/2002	8.40	8.75	7	8	4.25				4.80	N1	
239	12A2	VŨ QUANG MINH	Nam	08/09/2002	6.80	7				6.50	7.75	8.50	5.80	N1	
240	12A2	BÙI THỊ KIM NGÂN	Nữ	26/11/2002	7.80	8.25	8	7.75	5.50				5.60	N1	
241	12A2	NGUYỄN THỊ BĂNG NGÂN	Nữ	05/11/2002	4.60	7				4.75	6.25	7.50	3.40	N1	
242	12A2	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGỌC	Nữ	04/12/2002	8.80	7.50	7.50	3.50	5.25				7.40	N1	
243	12A2	TRẦN THẢO NGỌC	Nữ	27/10/2002	5.40	7.50				7	7.50	8.75	3.80	N1	
244	12A2	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	Nữ	31/12/2002	7.80	7.75	6.25	8.25	6.75				4.40	N1	
245	12A2	VŨ THU PHƯƠNG	Nữ	02/10/2002	7.80	7.50				7.25	6.75	9.50	5.60	N1	
246	12A2	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Nữ	07/04/2002	5.80	8				4.25	7	8.25	3	N1	
247	12A2	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	Nữ	30/08/2002	5.80	6.75				5.75	7.25	8.50	4.80	N1	
248	12A2	NGUYỄN ĐỨC SƠN	Nam	31/05/2002	7.60	7	5.75	2.50	4.25				5.40	N1	
249	12A2	PHẠM THỊ THANH TÂM	Nữ	10/11/2002	6.80	7.25				6	7.75	9.75	3.20	N1	
250	12A2	HOÀNG HƯƠNG THẢO	Nữ	13/04/2002	7.40	7				6.25	7.25	8.25	5	N1	
251	12A2	TRẦN ĐỨC THẮNG	Nam	13/02/2002	8.60	6.50	7.75	5.75	4.75				4.40	N1	
252	12A2	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	08/12/2001	8.60	8.50	8	7.25	8.50				5.20	N1	
253	12A2	VŨ THỊ THANH TUYỀN	Nữ	31/07/2002	8.20	7.75				6.50	7.50	9.50	5.40	N1	
254	12A2	ĐINH THỊ ÚT	Nữ	16/08/2002	7.60	7.75	6.25	4.75	6.50				5.20	N1	
255	12A2	NGUYỄN THỊ UYÊN	Nữ	13/09/2002	7.60	6.50	7.25	7	5.25				4.80	N1	
256	12A2	TRẦN THỊ UYÊN	Nữ	14/03/2002	7.80	8	4.75	6.25	5				5.20	N1	
257	12A3	HOÀNG MINH ANH	Nam	15/05/2002	8	6.75	8.50	7.75	5.50				3.60	N1	
258	12A3	HỒ PHƯƠNG ANH	Nam	25/06/2002	8	7				6.50	8	8.50	6	N1	
259	12A3	PHẠM THỊ MAI ANH	Nữ	16/07/2002	9.20	8	8.25	8.75	5				5.20	N1	
260	12A3	TRẦN QUỲNH ANH	Nữ	11/11/2002	7.40	9				5	6.50	8.50	6.20	N1	
261	12A3	VŨ THỊ MINH ANH	Nữ	18/10/2002	6.40	7.50				4.50	8.25	7.75	4.40	N1	
262	12A3	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	10/09/2002	8.40	7.50	7.75	6.75	3				8.20	N1	
263	12A3	HOÀNG HÀ BẮC	Nam	27/10/2002	7.20	7.25				5	6	7.50	5.80	N1	
264	12A3	BÙI VĂN CƯỜNG	Nam	06/07/2002	7.60	7.50				6.75	5.50	8	3.60	N1	
265	12A3	NGUYỄN THÙY DUNG	Nữ	16/08/2002	8.40	7.25	7.75	4.25	4.75				5.80	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
266	12A3	HOÀNG KHÁNH DUY	Nam	31/08/2002	9.20	7.75	7.75	8.50	7				4.40	N1	
267	12A3	NGUYỄN XUÂN NGỌC ĐIỆP	Nữ	10/07/2002	9.20	8.75	3.75	4.75	7.50				9	N1	
268	12A3	TRẦN NGỌC ĐIỆP	Nam	10/09/2002	8.20	8.75				7.25	7.50	9.50	3	N1	
269	12A3	NGUYỄN QUANG ĐÔNG	Nam	07/11/2002	5	6.50				6.75	7.50	8.50	6.60	N1	
270	12A3	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	21/01/2002	9	8.50				7.25	9.25	9	7.20	N1	
271	12A3	TRẦN MẠNH HÀ	Nam	08/05/2002	8.40	8.25	7.25	6	6				6.40	N1	
272	12A3	BÙI MINH HIẾU	Nam	20/08/2002	7	6	6.75	3.25	6				4	N1	
273	12A3	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	13/10/2002	7.40	7.25	5.75	3.50	5.50				5.60	N1	
274	12A3	VŨ THẾ HUY	Nam	06/06/2002	6.80	5.25	5.75	4	3.50				5	N1	
275	12A3	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	Nữ	01/06/2002	6.40	9.25				9.50	9.50	8.75	6.80	N1	
276	12A3	VŨ ĐIỆP LINH	Nữ	27/12/2002	4.20	8				5.50	7.75	8.25	5.80	N1	
277	12A3	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	29/06/2002	9	7.25	6.75	3.75	4.50				7.80	N1	
278	12A3	ĐỖ ĐỨC MINH	Nam	15/12/2002	6.80	5				6.25	6.75	8.50	3.20	N1	
279	12A3	PHẠM TIẾN MINH	Nam	28/10/2002	7.40	7.50				6.75	8	8.75	6.40	N1	
280	12A3	TRẦN HÀ MY	Nữ	30/10/2002	8	8				4.75	6.75	8.75	8	N1	
281	12A3	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	Nữ	06/06/2002	8.40	6.75	6.50	7.75	4.75				5.20	N1	
282	12A3	ĐẶNG DUY NINH	Nam	17/09/2002	7	4	4.25	6.50	3.75				3	N1	
283	12A3	NGÔ THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	19/05/2002	8.60	7	7.50	5.25	5.75				4.60	N1	
284	12A3	NGUYỄN THÚY PHƯƠNG	Nữ	18/04/2002	6.80	8	3.75	2.50	3.25				3.40	N1	
285	12A3	TỔNG LINH PHƯƠNG	Nữ	22/08/2002	7.20	6	7	7.25	4.25				4.20	N1	
286	12A3	VŨ HOÀNG QUÂN	Nam	19/08/2002	8.40	6.25	7.75	3.25	5.75				4.80	N1	
287	12A3	LÊ THỊ QUỲNH	Nữ	06/01/2002	8	8.50	4	9	4.50				6.60	N1	
288	12A3	PHẠM THÚY QUỲNH	Nữ	27/07/2002	9.20	8.50	8.25	5.75	5				6.40	N1	
289	12A3	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	27/03/2002	8.20	8.50				7	8	9	7.60	N1	
290	12A3	HOÀNG MINH TRÍ	Nam	01/01/2002	8.20	7	6.25	3.25	4.75				6.60	N1	
291	12A3	VŨ THỊ TUYẾT	Nữ	07/10/2002	7.60	7.75	4.25	6.50	7.75				6	N1	
292	12A3	ĐẶNG THU VÂN	Nữ	12/09/2002	8.20	6.75	7.25	4.75	5.25				8.40	N1	
293	12A3	ĐOÀN HOÀNG VŨ	Nam	28/03/2002	7.60	6				4.75	7.25	9.50	3	N1	
294	12A3	VŨ THANH XUÂN	Nữ	30/01/2002	9.20	6.50	8.50	5.50	5.25				8.20	N1	
295	12A4	BÙI HUYỀN ANH	Nữ	20/11/2002	8.80	7	8.25	8.25	6.25				7	N1	
296	12A4	ĐINH HÀM NHẬT ANH	Nữ	01/09/2002	9.40	8.50				3.75	7.25	9.50	6.60	N1	
297	12A4	NGÔ DUY ANH	Nam	04/12/2002	5.60	6.50				6.25	7.25	8.25	4	N1	
298	12A4	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	29/11/2002	6.60	5.50	7.25	6.75	7.50				5.40	N1	
299	12A4	TRỊNH THỊ VÂN ANH	Nữ	23/09/2002	7	7.75				7	8	7.75	4.60	N1	
300	12A4	ĐỖ CHÍ CƯỜNG	Nam	22/05/2002	8	6	6.50	7	3.25				2.20	N1	
301	12A4	PHẠM THẾ DUYỆT	Nam	09/03/2001	2.40	6				5	7.75	8	3.40	N1	
302	12A4	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	14/11/2002	9.20	6	3.25	8	7.75				3.20	N1	
303	12A4	PHẠM HẢI ĐỒNG	Nam	05/07/2002	7.80	7	7.25	5	4.75				6.60	N1	
304	12A4	BÙI ĐỨC HẬU	Nam	12/12/2002	9	6.75	7.75	7.75	5.75				2.20	N1	
305	12A4	BÙI THU HIỀN	Nữ	22/03/2002	8.60	7.75				4.75	7.50	8.75	5.40	N1	
306	12A4	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	31/07/2002	8.80	5.50	7	7	5				6.60	N1	
307	12A4	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	22/11/2002	8.40	7.75				4.50	6.50	9.50	9.80	N4	
308	12A4	VŨ LAN HƯƠNG	Nữ	15/01/2002	7.60	8.25				7.50	8.25	8.25	6	N1	
309	12A4	VŨ THỊ MỸ LỆ	Nữ	08/09/2002	7.80	9				4.50	8	9.50	3.60	N1	
310	12A4	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	13/12/2002	7.80	5.50	6.75	3.25	4.50				7	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
311	12A4	ĐỖ ĐÌNH LONG	Nam	29/12/2002	8.80	7.25	7.50	8.25	4.50				8.80	N1	
312	12A4	NGÔ THỊ HẰNG MY	Nữ	13/10/2002	7.20	7.75				5	8	8.50	4	N1	
313	12A4	LÊ KIM MỸ	Nữ	07/09/2002	8.60	8	7.25	7	5				5.80	N1	
314	12A4	TRẦN HẢI NAM	Nam	19/11/2002	9	7	7	7.75	4.75				6	N1	
315	12A4	TRẦN HỒNG NHUNG	Nữ	22/08/2002	9	6.75	8	2.50	4				5.80	N1	
316	12A4	ĐỖ THỊ OANH	Nữ	12/07/2002	7.60	8				6.25	8.50	9.75	5.40	N1	
317	12A4	MẠC THỊ KIM OANH	Nữ	05/05/2002	7.60	7	5.25	7.50	6.25				4.60	N1	
318	12A4	PHẠM THỊ OANH	Nữ	30/09/2002	8.20	8.50				7.75	7.50	9.25	7	N1	
319	12A4	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	14/10/2002	8	8				6.75	8.75	10	6	N1	
320	12A4	HOÀNG VĂN QUANG	Nam	25/10/2002	9	6.50	8.75	8	6				4.20	N1	
321	12A4	TRẦN DUY QUÂN	Nam	09/06/2002	6.20	4				4	7.75	7.25	3.20	N1	
322	12A4	NGUYỄN THÚY QUỲNH	Nữ	18/03/2002	6	7				2.75	5.75	8	4.40	N1	
323	12A4	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	27/04/2002	7.20	7	6.50	2.75	4.50				7.20	N1	
324	12A4	VŨ QUANG THẮNG	Nam	02/05/2002	9.20	6.25	8	8.25	7.50				7.20	N1	
325	12A4	TRƯƠNG QUỐC TIẾN	Nam	26/06/2002	7.40	6				4.75	7.25	7.75	2.40	N1	
326	12A4	BÙI PHƯƠNG TRANG	Nữ	25/01/2002	7.60	7.75				5.75	6.75	8.75	5.60	N1	
327	12A4	PHẠM GIA TRANG	Nữ	14/09/2002	8.40	7.25	7.75	5.50	5				7	N1	
328	12A4	NGUYỄN VÕ ANH TRƯỜNG	Nam	26/01/2002	7	6.50	6.25	6.25	4.75				5.60	N1	
329	12A4	VŨ NGỌC TÚ	Nam	05/06/2002	8	6	7.50	8.25	3.25				4.40	N1	
330	12A4	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	08/02/2002	9	6	8	8	5				5	N1	
331	12A4	LÊ TỐ UYÊN	Nữ	09/06/2002	8.60	8.25				5.50	6.75	8.25	6.20	N1	
332	12A4	ĐINH THẢO VÂN	Nữ	07/01/2002	6.40	7.50				6.25	7.50	9	4.20	N1	
333	12A4	NGUYỄN THÚY VÂN	Nữ	10/02/2002	9.80	7.50	4.50	8.75	8				4.40	N1	
334	12A4	BÙI THỊ HẢI YẾN	Nữ	09/08/2002	6.80	8.75				5.25	6.25	8.25	5.40	N1	
335	12A5	BÙI PHƯƠNG ANH	Nữ	03/02/2002	9.20	5	9.50	5.25	6.50				9.40	N1	
336	12A5	ĐINH THỊ VÂN ANH	Nữ	17/04/2002	9	6.50	8.50	5.25	5.75				8.20	N1	
337	12A5	ĐỖ TRÂM ANH	Nữ	13/05/2002	9.40	7.75	9	8	6				5.60	N1	
338	12A5	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	01/11/2002	8.80	7.50	8.75	6	7				8.20	N1	
339	12A5	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	12/12/2002	8.80	7.75	8.50	7.50	6.50				8.20	N1	
340	12A5	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	25/12/2002	8.80	7.50	9.25	9.50	7.25				7	N1	
341	12A5	PHAN HẢI ANH	Nam	01/10/2002	9.20	7	8.25	5.50	5				5.20	N1	
342	12A5	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	08/09/2002	9.20	8.50	8.50	7	5.50				8	N1	
343	12A5	PHẠM LAN CHI	Nữ	12/07/2002	8.60	8	8.50	6.25	7.75				9.40	N1	
344	12A5	ĐỖ TIẾN DŨNG	Nam	12/06/2002	9	6.50	5.50	8.50	9				3.80	N1	
345	12A5	NGUYỄN NGỌC DŨNG	Nam	19/08/2002	9	7	8.25	5.25	5.75				6.40	N1	
346	12A5	HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	09/09/2002	9	8.50	9.25	3.25	5.75				8	N1	
347	12A5	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	03/08/2002	8.40	7	8.25	3	4.50				6	N1	
348	12A5	LÊ NGUYỄN MINH HÀ	Nữ	07/05/2002	6.60	8.50	3.25	5	4				6.40	N1	
349	12A5	NGUYỄN THẢO HIỀN	Nữ	06/07/2002	8.80	7	6.75	7.25	8.50				5.40	N1	
350	12A5	ĐỖ MINH HIẾU	Nam	01/04/2002	9.20	5.50	5	8.75	9.50				5.60	N1	
351	12A5	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	30/05/2002	8.40	6.25	8.50	9	5.25				8.20	N1	
352	12A5	VŨ NGỌC HIẾU	Nam	17/01/2002	9	7.75	7.75	7.50	6.25				5	N1	
353	12A5	PHẠM THỊ XUÂN HÒA	Nữ	10/07/2002	9.40	8.50	9	6	7.25				9.20	N1	
354	12A5	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	01/09/2002	7.80	6	6.50	3.25	5				6.60	N1	
355	12A5	MẠC HƯƠNG HUYỀN	Nữ	25/08/2002	7.40	8.50				4.50	6	8.25	6.80	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
356	12A5	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	20/01/2002	7.60	9	6.75	6.50	6.75				5.40	N1	
357	12A5	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	11/01/2002	8.80	8.25	6.25	8.50	8.75				5.80	N1	
358	12A5	VŨ THÙY LINH	Nữ	02/02/2002	9	8.50	8.75	7.25	6.25				8.60	N1	
359	12A5	NGUYỄN SỸ LONG	Nam	17/02/2002	8.80	6	8.25	4.75	4.50				7.60	N1	
360	12A5	DƯ THẢO LY	Nữ	25/03/2002	9	7	4.75	8	7				6.40	N1	
361	12A5	LÊ NGỌC MAI	Nữ	03/01/2002	9.40	8.25	9	7.50	7.50				9.40	N1	
362	12A5	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	19/07/2002	9	7	8.75	4.50	5.75				8.20	N1	
363	12A5	NGÔ HẢI MINH	Nam	22/11/2002	9.40	6.75	8.25	4.50	5.25				8.40	N1	
364	12A5	NGUYỄN QUỲNH NGÀ	Nữ	20/02/2002	7.20	6.75	3.25	8	7.25				3	N1	
365	12A5	ĐOÀN MINH NGỌC	Nữ	29/10/2002	9.20	7.75	5.50	7.75	8.25				5.60	N1	
366	12A5	HOÀNG BÍCH NGỌC	Nữ	16/11/2002	9.20	8.50	8.50	7.25	6.75				9.40	N1	
367	12A5	NGUYỄN HOÀNG MINH NGỌC	Nữ	09/12/2002	8.60	7	8	5	6.75				9	N1	
368	12A5	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	Nữ	07/09/2002	9	9	6	6.75	6				7	N1	
369	12A5	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	27/08/2002	9.20	6.75	8.50	3.50	4.50				6.80	N1	
370	12A5	PHẠM VIỆT THÀNH	Nam	28/08/2002	9.20	6	9	9.25	6.75				6	N1	
371	12A5	ĐOÀN MINH THẢO	Nữ	08/07/2002	9.20	4.75	8	4.50	5.25				8.80	N1	
372	12A5	BÙI THỊ HỒNG TRANG	Nữ	01/12/2002	8.60	8.50				3	6	8.50	7.40	N1	
373	12A5	PHẠM MINH TUẤN	Nam	19/04/2002	9	5.75	7	7.50	7				7.20	N1	
374	12A5	NGUYỄN HÀ XUYỀN	Nữ	29/04/2002	9	7.50	7.50	9	8.75				7.20	N1	
375	12A6	PHAN NGỌC ÁNH	Nữ	25/01/2002	8.80	7.75	8.50	8.50	4				4.20	N1	
376	12A6	NGUYỄN THÁI BÌNH	Nam	18/06/2002	8.40	5.75	3.50	8	7.25				3.20	N1	
377	12A6	TRẦN ĐẶNG CƯỜNG	Nam	15/12/2002	9	7	7.50	7.50	3.50				4.60	N1	
378	12A6	NGUYỄN TRẦN DOANH	Nam	13/08/2002	9	6.75	7.50	8.50	4.25				4.60	N1	
379	12A6	LƯU THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	14/10/2002	7	8.50	8.25	8.50	7				4.20	N1	
380	12A6	NGUYỄN ĐỨC MINH ĐẠT	Nam	15/12/2002	8.60	7.25	6.25	4.50	5				5.80	N1	
381	12A6	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	Nam	07/05/2002	7.80	7.50	6.25	2.50	5.25				4.20	N1	
382	12A6	ĐẶNG HOÀNG HÀ	Nam	29/07/2002	7.60	7.75	7.50	7.50	5.50				7.40	N1	
383	12A6	NGUYỄN HẢI HÀ	Nữ	20/10/2002	8.20	7	3.75	8.50	8.25				6.20	N1	
384	12A6	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	14/03/2002	8	7.25	4.75	7.75	7.50				5.40	N1	
385	12A6	NGUYỄN THÚY HÀ	Nữ	10/01/2002	8.20	8.25				5.25	6.75	8.25	7.60	N1	
386	12A6	DƯƠNG THANH HẢI	Nam	01/04/2002	8.40	7.25	7.25	5.25	4				7.40	N1	
387	12A6	TẠ HỒNG HẢI	Nam	05/02/2002	8.20	7.25	7.50	8.50	3				3.60	N1	
388	12A6	TẠ MINH HIẾU	Nam	15/11/2002	9.20	7	9	8.75	6.75				7	N1	
389	12A6	NGUYỄN THU HÒA	Nữ	21/12/2002	9	9				5.75	8	7.75	8.60	N1	
390	12A6	NGÔ QUANG HÙNG	Nam	27/09/2002	7.80	6.50	9	8.50	6.50				6.20	N1	
391	12A6	NGUYỄN NHẬT KHẢI	Nam	04/04/2002	8.80	7.50	3.50	8.50	8.25				7	N1	
392	12A6	ĐẶNG HÀ VIỆT KHÁNH	Nam	01/06/2002	8.80	7	6.75	5.50	5.25				7.40	N1	
393	12A6	VŨ MINH KHÁNH	Nam	01/01/2002	8.40	8.50				6	6.50	8.75	5.20	N1	
394	12A6	NGUYỄN HÀ KỶ	Nam	06/10/2002	8.60	7	2.75	5.75	3.25				6	N1	
395	12A6	MAI KHÁNH LINH	Nữ	12/09/2002	7.80	7.25				4.25	7	7.50	5.40	N1	
396	12A6	PHẠM LÊ HOÀNG LONG	Nam	29/12/2002	8.40	7				3.50	8	8.25	7	N1	
397	12A6	HUỲNH BẢO MINH	Nam	11/01/2002	6.20	6	6.25	4.50	6				7.80	N1	
398	12A6	LÊ ĐỨC MINH	Nam	22/12/2002	9.20	7	6.25	8.50	8.75				5.80	N1	
399	12A6	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	16/10/2002	8	5	7.50	3	6.25				7	N1	
400	12A6	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	24/10/2002	9.20	6.50	8.25	8.75	9				8.80	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
401	12A6	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	09/03/2002	8.60	8.25	8	8.75	4.75				4.40	N1	
402	12A6	VŨ TRỌNG NGHĨA	Nam	03/04/2002	8.40	6	8	6.25	6				8.60	N1	
403	12A6	PHẠM HỒNG NHUNG	Nữ	06/07/2002	9	6.75	4.25	8.25	8.50				4.80	N1	
404	12A6	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	18/02/2002	8.80	6	7	6.75	4.50				6.80	N1	
405	12A6	NGÔ HOÀNG PHƯỢNG	Nữ	30/08/2002	9.20	6.25	8.75	9.25	7.50				5.80	N1	
406	12A6	LÊ THANH THẢO	Nữ	30/09/2002	8.80	5	6.75	8.75	6.75				8	N1	
407	12A6	NGUYỄN LAN THU	Nữ	14/06/2002	8.80	7.75	6.25	8.50	8.75				5.80	N1	
408	12A6	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	22/11/2002	8.40	7.50				6.75	8	9	7	N1	
409	12A6	HOÀNG BẢO TRÂM	Nữ	06/05/2002	8.20	7.25	8.25	8.25	5.50				7.20	N1	
410	12A6	VŨ THỊ KIỀU TRINH	Nữ	28/11/2002	9	5.75	4.25	8.50	7.50				4.60	N1	
411	12A6	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	25/06/2002	8.20	5.25	4	7.25	5.75				8.20	N1	
412	12A6	PHẠM MINH TRƯỜNG	Nam	03/04/2002	7.20	6	7.50	8.25	4.50				3.60	N1	
413	12A6	LÊ PHONG VŨ	Nam	20/02/2002	4.80	5.75	5	4	4				3.40	N1	
414	12A6	NGUYỄN YẾN VY	Nữ	11/11/2002	7.80	8.25				5.75	6.50	8.25	7	N1	
415	12A7	BÙI VIỆT ANH	Nam	10/01/2002	8.80	6.50	8.25	7.75	5.50				5.40	N1	
416	12A7	HÀ QUỲNH ANH	Nữ	14/12/2002	7.60	7.75	4.75	7.25	5.25				5.80	N1	
417	12A7	LÊ THỊ LAN ANH	Nữ	12/02/2002	7.80	8.50				2.50	7.75	8.25	5.60	N1	
418	12A7	NGÔ SÁCH QUỐC ANH	Nam	09/08/2002	4.60	6.25				3.75	6.75	7.75	4.60	N1	
419	12A7	NGUYỄN PHAN LÊ ANH	Nam	19/12/2001	8.60	5.75	8	7.75	6				5.20	N1	
420	12A7	TRỊNH THỊ QUỲNH ANH	Nữ	12/10/2002	7.60	7				4	6.50	8	5	N1	
421	12A7	ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	17/08/2002	4.20	8.25				8.75	7	7.50	4.40	N1	
422	12A7	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	29/12/2002	9	8.50	5.75	8.50	9.25				5.20	N1	
423	12A7	LÊ ANH DŨNG	Nam	25/02/2002	8.20	7	8	4.25	5.75				2.80	N1	
424	12A7	TRỊNH THỊ QUỲNH DƯƠNG	Nữ	17/03/2002	7.80	8.75				3.50	5.50	8	4.20	N1	
425	12A7	VŨ QUANG ĐỨC	Nam	08/10/2002	7.60	7				4.25	6	7.75	6	N1	
426	12A7	MAI THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	15/07/2002	9.20	9				3.50	7	7.25	6.60	N1	
427	12A7	LÊ MINH HIẾU	Nam	21/02/2002	9.60	6.50	7.75	9.50	9				4.40	N1	
428	12A7	PHẠM VĂN HOÀNG	Nam	04/08/2002	7.80	6.75	7.25	3.75	5.25				4.80	N1	
429	12A7	VŨ THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	13/08/2002	5.80	7.25				8	8.75	9.25	1.60	N1	
430	12A7	VŨ NGỌC HÙNG	Nam	08/11/2002	8.20	6.50	7.25	3.25	6.25				5.20	N1	
431	12A7	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	08/04/2002	7	6.50	7.75	5.50	6.50				5.20	N1	
432	12A7	NGUYỄN MỸ HUYỀN	Nữ	12/09/2002	8.80	8.25				3.75	6.50	7.25	5.40	N1	
433	12A7	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	Nữ	19/11/2002	6	7				6.25	7.25	8	5	N1	
434	12A7	VŨ THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	24/10/2002	5.40	7.50				6.75	7	7.75	4.60	N1	
435	12A7	ĐÌNH TÔ LINH	Nam	17/11/2002	9.40	6.75	7.75	8	6.25				3.40	N1	
436	12A7	NGUYỄN HẢI LINH	Nữ	12/06/2002	8.60	6.25	6.75	4.75	5				4.40	N1	
437	12A7	NGUYỄN MAI LINH	Nữ	08/09/2002	8.60	6.75	8.25	8.50	5.75				4	N1	
438	12A7	PHẠM HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	23/08/2002	8.20	7	7	7	8.75				5.40	N1	
439	12A7	PHẠM THÙY LINH	Nữ	24/10/2002	7.80	8.25				6.25	5.50	8.75	6.80	N1	
440	12A7	VŨ KHẮC LỢI	Nam	01/10/2002	7.20	4.25				3.50	7.75	7.50	4.80	N1	
441	12A7	ĐÌNH THỊ THANH MAI	Nữ	01/07/2002	7.60	6.75				4.25	6	9.50	4	N1	
442	12A7	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	14/12/2002	9.20	6.75	8.75	8.75	6.50				3.20	N1	
443	12A7	VŨ MINH NGUYỆT	Nữ	14/12/2002	7.60	6.75				7.50	8.25	8.75	5.60	N1	
444	12A7	TRẦN THỊ NHUNG	Nữ	22/05/2002	9.40	7.25	8.25	7.75	5				4.40	N1	
445	12A7	NGUYỄN MẠNH QUÂN	Nam	17/07/2002	9	6.75	8.25	9.50	6.25				6.40	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
446	12A7	PHẠM MINH QUÂN	Nam	19/04/2002	4	6.75				9	9	8	3.40	N1	
447	12A7	LÊ CHÍ THANH	Nam	14/12/2002	8.80	6.75	7.25	4.75	6				8	N1	
448	12A7	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/11/2002	7.60	8.50	4.75	6.25	5				6.80	N1	
449	12A7	PHẠM HƯƠNG THẢO	Nữ	25/10/2002	6.20	7.75				6.75	7.75	7.75	3.40	N1	
450	12A7	PHAN THU TRANG	Nữ	21/05/2002	8.40	7.25	6.75	8	6.50				4.40	N1	
451	12A7	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	26/08/2002	3	6.75				5.75	7.75	8	5.80	N1	
452	12A7	ĐẶNG THANH VÂN	Nữ	13/03/2002	7.40	6.75				4.75	7.25	8.25	3.60	N1	
453	12A7	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	Nữ	13/03/2002	8.20	7.50				4.25	7	8	5	N1	
454	12A8	HOÀNG NGỌC ANH	Nữ	02/04/2002	5.80	8.50				9	8	9	4	N1	
455	12A8	TRỊNH THỊ VÂN ANH	Nữ	18/11/2002	7	8.50				9.25	8	8.50	3.60	N1	
456	12A8	ĐỖ HẢI BÌNH	Nữ	11/01/2002	7.20	8.75				8.25	9	8.50	4	N1	
457	12A8	BÙI HUY ĐẠT	Nam	22/11/2002	8.20	8	4.50	9	7.75				8.20	N1	
458	12A8	TRẦN THANH HẰNG	Nữ	10/09/2002	7.80	8				4.75	8	9.50	6.80	N1	
459	12A8	VŨ THỊ HẰNG	Nữ	15/10/2002	7.80	8.75				5	7.50	9	5.60	N1	
460	12A8	LÊ THỊ HIỀN	Nữ	14/09/2002	8	8				7.75	8.25	9.50	4	N1	
461	12A8	BÙI THỊ HUYỀN	Nữ	20/08/2002	6.80	8				7.50	7.75	9.25	5.40	N1	
462	12A8	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	14/11/2002	8.40	8.50				4	7	7.75	5.60	N1	
463	12A8	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	24/09/2002	8.80	7.25	8	8.25	5.25				6	N1	
464	12A8	HOÀNG THỊ KHÁNH	Nữ	04/11/2002	7.60	8.50				4.75	7.75	9.25	5	N1	
465	12A8	LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	26/06/2002	7.40	7.75				4.25	6.25	8.50	7.40	N1	
466	12A8	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	Nữ	13/12/2002	9.20	8.50				2.25	6.75	8.25	9.20	N1	
467	12A8	BÙI THỊ LOAN	Nữ	20/04/2002	7	8.75				8.50	8.50	9.50	4.80	N1	
468	12A8	PHAN THỊ NHƯ LOAN	Nữ	16/06/2002	7.60	8				6	7.50	9	5.20	N1	
469	12A8	BÙI THỊ NGÀ	Nữ	14/10/2002	7.80	8.25				3.75	6	7.25	5.40	N1	
470	12A8	TRẦN THỊ THU NGÀ	Nữ	23/02/2002	7.40	7.50				4.50	5	8	4.80	N1	
471	12A8	VŨ KIM NGÂN	Nữ	20/06/2002	9.20	9.25				6.75	8.50	9.25	9.20	N1	
472	12A8	VŨ BẢO NGỌC	Nữ	05/11/2002	7.40	8				3.50	5.50	8.25	5.80	N1	
473	12A8	ĐỖ THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	28/09/2002	8	9				5.50	7.75	8.50	7	N1	
474	12A8	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	12/08/2002	6.80	7.25				8.50	7.75	9.50	5	N1	
475	12A8	NGUYỄN THỊ DIỆU NINH	Nữ	14/03/2002	8.80	9				4.25	7.50	9	7	N1	
476	12A8	VŨ THỊ MINH OANH	Nữ	06/11/2002	8	8				6	7	9.50	7	N1	
477	12A8	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/10/2002	9.20	8.50				5	7.75	9	7	N1	
478	12A8	NGUYỄN KIỀU TRANG	Nữ	12/07/2002	6.60	8.50				10	9	9.50	3.40	N1	
479	12A8	TÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	06/12/2002	5.40	7.50				4	8	8.25	4	N1	
480	12A8	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	08/08/2002	8	8.25				7	6.75	9.50	6.20	N1	
481	12A8	ĐỖ HÀ VY	Nữ	01/11/2002	8.40	9				6.50	6.75	8.75	6.80	N1	
482	12A9	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	24/10/2002	6.20	8.50				6.25	8	8.50	5.60	N1	
483	12A9	TRẦN LAN ANH	Nữ	19/04/2002	6.60	8.50				6.75	8	9.50	7.40	N1	
484	12A9	NGUYỄN NGỌC LAN CHI	Nữ	29/10/2002	8.80	9				7.50	7.75	8	9	N1	
485	12A9	ĐỖ THÙY DUNG	Nữ	03/06/2002	8	8	8.50	7	7.50				7.40	N1	
486	12A9	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	12/08/2002	5	6.50	4.75	7.25	3.75				3.80	N1	
487	12A9	NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC	Nữ	30/09/2002	8	9.50				6.25	7.50	8.75	7.40	N1	
488	12A9	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	13/01/2002	9.40	8.50	8	7.75	6				8.40	N1	
489	12A9	PHẠM HOÀNG NGÂN GIANG	Nữ	26/11/2002	8.40	9				7.50	6	8.50	7.80	N1	
490	12A9	VŨ LÊ NGÂN GIANG	Nữ	19/09/2002	7.60	9.25				6	6.25	6.50	8.20	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi										Ghi chú
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
491	12A9	LÊ VIỆT HÀ	Nữ	14/09/2002	8.80	9.25				5	7.50	9.50	8.80	N1	
492	12A9	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	30/10/2002	8.60	8.25				8	8	9.50	7.40	N1	
493	12A9	TRẦN THỊ NGÂN HÀ	Nữ	17/08/2002	8.60	7.75	7	6	6				7.20	N1	
494	12A9	TRẦN NGUYỄN MINH HẠNH	Nữ	22/01/2002	8.20	8.75				5.75	7.75	8.25	8.20	N1	
495	12A9	LƯU THỊ THANH HẰNG	Nữ	06/09/2002	8.40	8.75				6	7.75	9	8.60	N1	
496	12A9	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	29/12/2002	8.20	8				6	7.75	8.75	7	N1	
497	12A9	PHẠM PHI HOÀNG	Nam	30/11/2002	8.40	8.75				6.25	6.50	9.50	9.20	N1	
498	12A9	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	05/10/2002	8.40	7.50	7	3.25	5				5.80	N1	
499	12A9	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	22/04/2002	7.60	8.50				6.50	8	8.75	8	N1	
500	12A9	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	26/10/2002	8.80	9.25				8	7.75	9.75	9.20	N1	
501	12A9	NGUYỄN HUỆ LÂM	Nữ	17/08/2002	8	7.75				5.75	7	8.50	6.40	N1	
502	12A9	NGUYỄN NGỌC LY	Nữ	02/03/2002	8.60	7.50	8.25	5	5.50				8.60	N1	
503	12A9	VŨ PHƯƠNG LY	Nữ	03/02/2002	9	9				7	7.25	8.25	8.20	N1	
504	12A9	TRẦN ĐỖ HẢI NAM	Nam	15/12/2002	7.60	5.75	6.75	4.75	4.25				6.40	N1	
505	12A9	ĐINH THỊ HẢI NGÂN	Nữ	27/11/2001	6.60	7.75				4.25	4.50	9	6.60	N1	
506	12A9	HOÀNG TRÍ NHÂN	Nam	03/09/2002	7.60	6	6.75	7.75	5				8	N1	
507	12A9	ĐẶNG TÂM NHI	Nữ	29/01/2002	8	7.50				4.25	8.25	8.75	6.40	N1	
508	12A9	TRẦN PHƯƠNG NHUNG	Nữ	27/04/2002	9	8.50				7.25	7.50	9.25	7.20	N1	
509	12A9	BÙI BÍCH PHƯƠNG	Nữ	17/09/2002	8.60	8.50				5.25	7.25	8.50	8.20	N1	
510	12A9	ĐOÀN HƯƠNG THẢO	Nữ	25/12/2002	5	7.50				6	7.25	8	7.40	N1	
511	12A9	ĐOÀN THỊ THẢO	Nữ	13/02/2002	8.80	7.50	8.25	7	5.75				8.60	N1	
512	12A9	HOÀNG ĐỨC THẮNG	Nam	13/12/2002	9.20	9				6	8.25	8	9	N1	
513	12A9	ĐẶNG THANH THỦY	Nữ	20/12/2002	9.20	7.25	8	4.75	5.75				9	N1	
514	12A9	ĐOÀN THỊ HIỀN THƯƠNG	Nữ	12/08/2002	8.60	7.50	8.75	6	5.25				8.60	N1	
515	12A9	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	30/01/2002	7.80	7.75	7.50	3.50	7				8.60	N1	
516	12A9	NGUYỄN NGỌC TUẤN	Nam	27/02/2002	7.40	7.50				5.25	7.25	8.50	9	N1	
517	12A9	CAO VIỆT TÙNG	Nam	11/05/2002	8.80	7.50	8	7.50	6.75				9	N1	
518	12A9	DƯƠNG LONG VŨ	Nam	10/03/2002	9.20	7.25	7.75	5	7.25				9.40	N1	
519	12A9	NGUYỄN VŨ	Nam	31/12/2002	7.20	8.50				5.50	6.25	8.25	5	N1	
520	12A9	NGUYỄN ĐỨC VƯƠNG	Nam	05/05/2002	7.40	7				5.50	7.25	7.50	5.80	N1	
521	12A9	ĐÀO YẾN VY	Nữ	20/07/2002	7.80	8.25				6.25	7.75	8.25	7	N1	